

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 845/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt "Kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học của Việt Nam"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại Tờ trình số 2423/MTg ngày 25 tháng 9 năm 1995;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt "Kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH) của Việt Nam" với mục tiêu lâu dài, mục tiêu trước mắt và những nội dung chính như văn bản kèm theo.

Điều 2.- Tổ chức thực hiện.

1. Các hành động cụ thể phải thực hiện dưới hình thức dự án với mục tiêu, nội dung, địa bàn, quy mô, thời hạn, sản phẩm cụ thể. Các dự án phải được thẩm định trước khi cấp vốn thực hiện, nghiệm thu từng bước và kết thúc.

2. Nhiệm vụ của các cơ quan Trung ương:

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan đầu mối thực hiện kế hoạch hành động ĐDSH, Bộ có trách nhiệm chủ động bàn bạc với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để từng bước thực hiện kế hoạch này. Hàng năm Bộ tổng hợp chung báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện các nội dung kế hoạch.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, căn cứ vào nguồn lực trong nước và tài trợ từ nước ngoài, căn cứ vào các nội dung chính của kế hoạch đã nêu trên, trao đổi thống nhất với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để bố trí kế hoạch cụ thể hàng năm cho các ngành và các địa phương thực hiện từng nội dung.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản và Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia là những cơ quan chủ yếu thực hiện kế hoạch này. Hàng năm các cơ quan nói trên có trách nhiệm trao đổi thống nhất với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các kế hoạch hành động cụ thể, thông báo cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường biết kết quả thực hiện để tổng hợp chung trình Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Ủy ban Dân tộc và Miền núi trong các chương trình kinh tế - xã hội do mình quản lý phải lưu ý ưu tiên cho những nội dung, địa bàn liên quan đến bảo vệ ĐDSH đồng thời chủ động bàn bạc với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những vấn đề liên quan chung.

3. Nhiệm vụ của các địa phương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch này trên địa bàn quản lý của mình.

Hàng năm Ủy ban nhân dân các tỉnh lập kế hoạch cụ thể, trao đổi thống nhất với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ liên quan để thực hiện, đồng thời hàng năm thông báo kết quả thực hiện cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường biết để tổng hợp chung trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

KẾ HOẠCH

HÀNH ĐỘNG ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA VIỆT NAM

(Đã được phê duyệt tại Quyết định số: 845/TTg,

ngày 22/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ)

Việt Nam là nước được thiên nhiên ưu đãi về sự phong phú, đa dạng của các hệ sinh thái, đa dạng của các loài và đa dạng của tài nguyên di truyền, gọi chung là đa dạng sinh học (ĐDSH). Các kết quả điều tra cho thấy, nước ta có khoảng 12.000 loài thực vật có mạch, trong đó đã định tên được khoảng 7.000 loài, 275 loài thú, 800 loài chim, 180 loài bò sát, 80 loài lưỡng cư, 2470 loài cá, 5.500 loài côn trùng... Tính độc đáo của ĐDSH này khá cao: 10% số loài thú, chim và cá của Thế giới tìm thấy ở Việt Nam, hơn 40% số loài thực vật thuộc loại đặc hữu, không tìm thấy ở nơi nào khác ngoài Việt Nam, nhiều loài gia súc, gia cầm đã được thuần dưỡng và tuyển chọn từ hàng ngàn năm nay.

Về giá trị kinh tế, các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản... thực chất là khai thác từ nguồn ĐDSH, ước tính hàng năm đem lại cho đất nước ta khoảng 2 tỷ USD. Nhiều nơi, nhất là miền núi, nguồn lương thực - thực phẩm, nguồn thuốc chữa bệnh và mọi thu nhập chủ yếu đều dựa vào khai thác ĐDSH.

Tuy nhiên, việc gia tăng quá nhanh dân số nước ta, việc diện tích rừng bị thu hẹp, việc khai thác quá mức tài nguyên sinh vật biển, việc áp dụng quá rộng rãi các giống mới trong sản xuất nông nghiệp... đã dẫn tới sự thu hẹp hoặc mất đi các hệ sinh thái, dẫn tới nguy cơ tiêu diệt 28% loài thú, 10% loài chim, 21% loài bò sát và lưỡng cư. Sự mất đi của một loài là mất vĩnh viễn, đồng thời mất luôn cả nguồn tài nguyên di truyền. Trên thực tế tốc độ suy giảm ĐDSH của ta nhanh hơn rất nhiều so với các quốc gia khác trong khu vực.

Nhận thức được các giá trị to lớn về kinh tế, khoa học, văn hoá, xã hội... của ĐDSH đối với sự phát triển hiện tại và tương lai của cả loài người, thấy được trách nhiệm nặng nề về việc phải bảo vệ ĐDSH, nước ta đã cùng nhiều nước trên thế giới ký vào Công ước ĐDSH và làm cho Công ước có hiệu lực từ giữa năm 1993.

Từ những năm 1960 nước ta đã tiến hành những bước chính thức đầu tiên nhằm bảo tồn thiên nhiên. Năm 1972, sắc lệnh về Bảo vệ rừng đã dẫn đến việc tuyển mộ 10.000 kiểm lâm viên được phiên chế vào mọi cấp ở hầu khắp đất nước. Từ những năm 1980, những cố gắng chung về bảo vệ môi trường trong đó có bảo vệ ĐDSH đã được tiến hành ngày một nhiều hơn và hệ thống hơn.

Năm 1985, Chiến lược Bảo tồn quốc gia của Việt Nam đã được soạn thảo, một chiến lược đầu tiên được xây dựng ở một nước đang phát triển. Chiến lược đã được cộng đồng quốc tế hoan nghênh.

Năm 1991, Chính phủ thông qua Kế hoạch quốc gia về Môi trường và Phát triển bền vững 1991 - 2000. Kế hoạch đã dẫn đến việc xây dựng và thông qua Luật Bảo vệ Môi trường năm 1994, việc hình thành Bộ KHCN & Môi trường và các Sở KHCN & Môi trường ở các địa phương.

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước ĐDSH và theo tinh thần đó Việt Nam cũng như tất cả các nước khác phải hành động để bảo vệ ĐDSH.

Ở quy mô quốc gia, nhất thiết phải xây dựng và ban hành một Kế hoạch hành động ĐDSH.

I. TÌNH TRẠNG BẢO VỆ ĐDSH Ở VIỆT NAM

1/ Tình trạng sử dụng các loài về mặt kinh tế:

Việc sử dụng về mặt kinh tế của các loài trước hết là khai thác gỗ, khoảng 1,3-1,4 triệu m³ gỗ được khai thác hàng năm, các lâm sản khác cũng được khai thác cho mục đích kinh tế bao gồm song, mây, tre nứa và củi. Khoảng 100.000 T tre nứa được khai thác làm nguyên liệu giấy. Trong tổng nhu cầu năng lượng của đất thì 75% là củi, ước tính hàng năm khai thác 22-23 triệu tấn nhiên liệu khai thác từ rừng tự nhiên. Ngoài ra có khoảng 2300 loài thực vật và một số loài động vật hoang dại được khai thác làm dược liệu, thức ăn cho người và gia súc, nguyên liệu cho công nghiệp và thủ công nghiệp... một khối lượng sản phẩm ngày càng tăng hiện đang được trao đổi mậu dịch với các nước láng giềng.

Hàng năm các sản phẩm ngư nghiệp ước tính 1 triệu tấn/năm, trong đó 60-70% là cá đánh bắt trên biển, cung cấp một nửa lượng đạm động vật quốc gia. Môi trường nước ngọt cung cấp khoảng 20 -30 ngàn tấn/năm cá, ba ba, ếch, các loài cá nuôi cũng cung cấp sản lượng 200 tấn/năm.

2/ Những đe dọa đối với ĐDSH:

Cùng với quá trình thu hẹp dần các hệ sinh thái, làm mất dần nơi cư trú, nhiều loài đang trong nguy cơ bị tiêu diệt. Trong sách đỏ Việt Nam, các nhà khoa học đã thống kê được hơn 300 loài động vật và 350 loài thực vật bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng. Nguyên nhân chung là:

Khai thác quá mức:

Việc khai thác gỗ và các lâm sản khác ngoài gỗ vẫn còn là một mối đe dọa lớn, mặc dù khu vực khai thác gỗ hợp pháp rất hạn chế và việc xuất khẩu gỗ cây, khai thác tại những khu vực quan trọng, khai thác một số loài nhất định đã bị hạn chế nhiều. Việc khai thác nhiên liệu trên quy mô lớn rất khó kiểm soát là mối đe dọa lớn nhất đối với ĐDSH ở nhiều nước. Chất lượng và sản lượng rừng ngày càng giảm ở những nơi gần dân. Rừng nhiều vùng bị xé lẻ và trở nên nhỏ hơn, tách biệt ra khỏi những khu rừng khác, chúng không còn khả năng hỗ trợ tạo sinh cảnh cho sự phong phú của các loài như ban đầu.

Nạn đánh bắt cá quá mức là một sự thật trong cuộc sống ở khắp mọi nơi. Hơn nữa phương pháp đánh bắt không được áp dụng một cách có lựa chọn, thậm chí mang tính tàn phá như bẫy cá, thả đăng, lưới mắt quá nhỏ, chất nổ và có nơi sử dụng cả chất độc.

Nạn khai thác san hô là điều đáng lo ngại nhất ở ven biển miền Trung từ Đà Nẵng đến Thuận Hải. Khai thác san hô chết ở những vùng thủy triều thường dùng chất nổ lấy nguyên liệu sản xuất xi măng (Khánh Hoà, Ninh Thuận) đã tác động lớn tới môi trường sống của nhiều sinh vật biển và hạn chế khả năng ngăn chặn xói mòn vùng ven biển.

Du canh và xâm lấn đất của canh tác nông nghiệp.

Từ nhiều đời nay, một số dân tộc thiểu số thực hiện du canh luân phiên ổn định theo chu kỳ. Cánh đồng được làm đất canh tác trong vài năm tiếp theo cho đất nghỉ vài năm cho rừng phục hồi lại rồi lại đốt nương dùng canh tác lại. Hệ thống canh tác này chỉ mở một tỷ lệ rừng rất nhỏ và có tác dụng làm giàu loài thông qua việc cho phép những loài mới đến cư trú. Cùng với quá trình gia tăng dân số, hệ thống canh tác này không còn ổn định, chu kỳ sử dụng đất rút ngắn dần đồng thời diện tích rừng cũng bị thu hẹp dần. Việc di dân, khai hoang lấy đất canh tác nông nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản... cũng làm giảm dần diện tích các hệ sinh thái rừng.

Du canh cũng là một nguyên nhân thường dẫn đến cháy rừng, trong số 9 triệu ha rừng hiện còn thì có khoảng 56% thuộc diện rừng dễ cháy vào mùa khô, hàng năm cháy mất khoảng 20-30 ngàn ha rừng thậm chí có năm lên đến 100 ngàn ha rừng. Mất rừng đã gây thất thoát không nhỏ cho ĐDSH.

Nạn ô nhiễm nước:

Ô nhiễm dầu được coi là một hiểm họa lớn nhất đối với môi trường biển. Mức dầu lẫn trong nước biển ven bờ từ 0,4 - 1,0 mg/lít đã thường xuyên vượt quá mức cho phép nhiều lần, đó là do hoạt động khai thác dầu khí và giao thông vận tải biển tạo ra. Tỉnh Quảng Ninh cũng chịu những vấn đề lắng bùn nghiêm trọng ở vùng nước ven biển do hoạt động khai thác than và đất sét. Hàng triệu tấn bùn cát do nạo vét các cảng (cảng Hải Phòng nạo vét 3 - 5 triệu tấn/năm) thường tạo ra bùn lắng ở cửa sông và ven biển có lẫn dầu và các độc tố, gây hại cho các hệ sinh thái ven biển và sinh vật biển.

Sự xuống cấp của vùng bờ biển:

Quá trình xây dựng các ao hồ nuôi trồng thủy sản dọc bờ biển, khai hoang lấn biển làm đồng muối hay canh tác nông nghiệp, xây dựng khu dân cư ... thường dẫn đến làm giảm diện tích vùng thủy triều, tăng độ chua phèn, thay đổi quá trình bùn lắng ... làm rất nhiều đầm lầy thủy triều bị phá hủy hay giảm cấp nghiêm trọng. Việc khai thác ở quy mô lớn cát, đá cho xây dựng và các khoáng sản khác là nguyên nhân gây ra xói mòn vùng ven biển miền Nam Trung Bộ, đồng thời làm nghèo nước và tác động đến thành phần tầng dưới của hệ sinh thái biển.

Sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường.

Quá trình chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường đã tác động mạnh tới suy nghĩ của người nông dân, thị trường thúc đẩy họ áp dụng nhiều giống, loài mới có năng suất và chất lượng mà thị trường yêu cầu, quá trình này cũng là mối đe dọa lớn cho những giống, loài canh tác truyền thống đã thích nghi lâu đời với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương, có nhiều tính trạng di truyền quý nhưng bị lãng quên vì không đáp ứng được thị trường trước mắt.

Tình trạng khai thác sử dụng các loài như hiện nay làm cho nhiệm vụ bảo vệ ĐDSH chung của đất nước càng trở nên cấp bách.

II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ĐDSH CỦA VIỆT NAM .

1/ Mục tiêu lâu dài của kế hoạch là:

Bảo vệ ĐDSH phong phú và đặc sắc của Việt Nam trong khuôn khổ phát triển bền vững.

2/ Mục tiêu trước mắt của kế hoạch là:

Bảo vệ các sinh thái đặc thù của Việt Nam , các hệ sinh thái nhạy cảm đang bị đe dọa thu hẹp hay huỷ hoại do hoạt động kinh tế của con người.

Bảo vệ các bộ phận của ĐDSH đang bị đe dọa do khai thác quá mức hay bị lãng quên.

Phát huy và phát hiện các giá trị sử dụng của các bộ phận ĐDSH trên cơ sở phát triển bền vững các giá trị tài nguyên, phục vụ các mục tiêu kinh tế của đất nước.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH.

Bảo vệ ĐDSH là một nhiệm vụ lâu dài, đòi hỏi tiến hành trong nhiều kế hoạch 5 năm. Một số hành động cấp bách sau đây cần được đưa vào kế hoạch cụ thể.

1/ Về chính sách và luật pháp:

Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội thông qua đã cung cấp hướng dẫn chung về bảo vệ môi trường, nhưng cần có thêm nhiều văn bản dưới luật và phụ trợ để tăng cường khả năng cưỡng chế thi hành luật và các văn bản pháp quy khác.

Cưỡng chế thi hành luật là một trong những vấn đề cấp thiết cần được lưu tâm. Điều này đòi hỏi sự tăng cường khả năng về kỹ thuật và quản lý của các cơ quan và tổ chức liên quan, đào tạo cán bộ cho các cơ quan này. Một số thể chế và luật pháp cũng cần được đổi mới, các biện pháp kinh tế trên cơ sở cơ chế thị trường và việc áp dụng các biện pháp xử phạt cần được nghiên cứu và đưa ra thực hiện.

Các văn bản dưới luật cần đề cập đến vấn đề khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát việc buôn bán các bộ phận của ĐDSH thuộc diện quý hiếm hay đặc thù của Việt Nam, ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm. Các điều này bao gồm trong cả các quy định về đánh giá tác động môi trường.

Việc bảo vệ ĐDSH một cách có hiệu quả đòi hỏi phải làm rõ, điều chỉnh hoặc củng cố chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Quy định hoạt động của các tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đến môi trường. Do vậy, cần ưu tiên đánh giá tổng quan lại cách bố trí chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý các khu bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2/ Xây dựng và quản lý các khu bảo vệ:

1- Xây dựng ngay và quản lý tốt các khu bảo vệ có giá trị cao về ĐDSH. Quy hoạch mở rộng thêm rừng và đất rừng ở 87 khu rừng đặc dụng đã được xác định, ưu tiên hàng đầu cho các khu có giá trị cao về ĐDSH là: Pù Mát (Nghệ An), Vụ Quang (Hà Tĩnh), Hoàng Liên Sơn (Lào Cai), Ba Bể (Cao Bằng), Cát Bà (Hải Phòng), Cúc Phương (Ninh Bình), Hồ Kẻ Gỗ (Hà Tĩnh), Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế), Nam Ca (Đắc Lắc), Yok Đôn (Đắc Lắc), Chư Giang Sinh (Đắc Lắc), Bi Đúp (Lâm Đồng), Cát Tiên (Đồng Nai).

Củng cố và phát triển các vùng đệm xung quanh khu bảo vệ, khuyến khích canh tác thâm canh trên đất dốc, hạn chế dần du canh, ổn định đời sống nhân dân kết hợp với tuyên truyền giáo dục để họ dần tự giác trở thành lực lượng bảo vệ chung.

2- Quy hoạch xây dựng một số vùng bảo vệ đất ướt quan trọng ở Cà Mau, ven đồng bằng sông Hồng, các tràm chim, phá Tam Giang... Đây là những vùng nằm ngoài các khu rừng đặc dụng, lại gần dân có nhiều yêu cầu khai thác sử dụng với nhiều mục đích khác nhau như nuôi trồng thủy sản, trồng rừng bảo vệ chắn sóng, phát triển giao thông thủy... do vậy, phải coi trọng ngay từ đầu việc bảo vệ ĐDSH tại các vùng đất ướt này, ngăn chặn các nguồn ô nhiễm, đặc biệt ô nhiễm nước, chống tiêu thoát nước quá mức.